

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

Số 26 /2018/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Giang, ngày 30 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều tại Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Thông báo kết luận số 223/UBND-TB ngày 30/8/2018, phiên họp tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 458/TTr-STC ngày 24/8/2018 về việc đề nghị ban hành Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm định số 210/BC-STP ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số điều tại Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Như điều 3 (T/h);
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Sở Tư pháp; Cổng TT điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CV(KTTH2, VX2).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn



QUY ĐỊNH

**Chi tiết một số Điều của Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND
ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quản lý, sử dụng
kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2018/ QĐ-UBND ngày 30/8/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND).

Điều 2. Đối tượng thụ hưởng

1. Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong thời hạn 3 năm, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và Ủy ban dân tộc.

2. Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong thời hạn 3 năm, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 được hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

3. Đối tượng hỗ trợ của các dự án thực hiện theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 1, Điều 2 - Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND và đối tượng chưa được hỗ trợ từ chương trình.

**Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Chi xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công

1. Xây dựng và nhân rộng mô hình tạo việc làm công thông qua đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ ở thôn:

a) Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 - Điều 9 - Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban dân tộc quy định chi tiết thực hiện Dự án 2.

(Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng: Áp dụng theo Quyết định số 870/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo cơ chế đặc thù đối với dự án đầu tư xây dựng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2017-2020.

2. Mô hình sản xuất nông, lâm kết hợp tạo việc làm cho người nghèo gắn với trồng và bảo vệ rừng: áp dụng định mức, nội dung chi trung ương và tỉnh quy định thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp và khuyến nông.

3. Mô hình giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu: áp dụng theo định mức, nội dung chi thuộc lĩnh vực môi trường và nông, lâm nghiệp.

4. Căn cứ mức hỗ trợ tối đa Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tại điểm b, Khoản 4, Điều 3 - Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND đối với từng nhóm mô hình, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt cụ thể về loại mô hình, quy mô mô hình, địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia mô hình và nội dung chi thực hiện mô hình theo chế độ và định mức chi tiêu hiện hành.

Điều 4. Hỗ trợ phương tiện nghe, xem

1. Căn cứ số đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ do cấp xã lập và dự toán kinh phí tỉnh giao, Phòng Văn hóa Thông tin chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định trình UBND các huyện, thành phố phân bổ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho Phòng Văn hóa Thông tin, chi tiết đến từng đối tượng, loại phương tiện hỗ trợ và số lượng, chủng loại phương tiện hỗ trợ.

2. Căn cứ dự toán UBND cấp huyện giao, Phòng Văn hóa Thông tin thực hiện đấu thầu mua sắm theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Phòng Văn hóa Thông tin phối hợp với UBND cấp xã trực tiếp giao phương tiện nghe, xem đúng đối tượng được hỗ trợ quy định tại Khoản 6, Điều 19 - Thông tư 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính (có biên bản giao nhận và xác nhận của UBND xã, thôn nơi đối tượng được hỗ trợ sinh sống).

Điều 5. Hỗ trợ thiết lập cụm thông tin cơ sở

Trường hợp phát sinh nội dung hỗ trợ, trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ quản chương trình: giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định mức chi và kinh phí thực hiện đối với từng cụm thông tin cơ sở.

Điều 6. Hình thức, tỷ lệ và thời gian thu hồi

1. Hình thức thu hồi: Bằng tiền mặt

2. Tỷ lệ thu hồi kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ:

a) Đối với dự án thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp:

- Dự án trồng trọt: Cây ngắn ngày tỷ lệ thu hồi tối thiểu 10%/dự án; đối với các loại cây trồng còn lại tỷ lệ thu hồi tối thiểu 15%/dự án.

- Dự án chăn nuôi: Gia súc, gia cầm tỷ lệ thu hồi tối thiểu 20%/dự án; đối với đại gia súc tỷ lệ thu hồi tối thiểu 25%/dự án.

- Dự án thủy sản: Tỷ lệ thu hồi tối thiểu 20%/dự án.

b) Đối với dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ: Tỷ lệ thu hồi tối thiểu 30%/dự án.

c) Hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp: Tỷ lệ thu hồi tối thiểu 50%/dự án.

d) Căn cứ tỷ lệ thu hồi tối thiểu nêu tại điểm a, b, c, khoản 2 Điều này, thực tế đối với từng dự án thuộc từng lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn cấp huyện đề xuất tỷ lệ thu hồi khi xây dựng dự án, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tỷ lệ thu hồi đối với từng dự án cụ thể trong quyết định phê duyệt dự án, nhưng không thấp hơn tỷ lệ thu hồi tối thiểu quy định tại Khoản 2 Điều này.

3. Mức kinh phí thu hồi và thời gian thu hồi:

a) Mức kinh phí thu hồi: Căn cứ tỷ lệ thu hồi, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xác định cụ thể mức kinh phí thu hồi khi xây dựng dự án và trong quyết định phê duyệt dự án.

b) Thời gian thu hồi: Tối đa không quá 3 tháng kể từ khi kết thúc dự án.

4. Trường hợp gia hạn thời gian thu hồi, không thu hồi kinh phí hỗ trợ:

a) Trường hợp gia hạn thời gian thu hồi đối với đối tượng tham gia dự án:

- Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh từ 30% đến dưới 50% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền: thời gian gia hạn tối đa 12 tháng.

- Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh từ 50% đến 70% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền: thời gian gia hạn tối đa 12 tháng, tỷ lệ thu hồi bằng 50% tỷ lệ thu hồi nêu tại Khoản 2 Điều này.

- Các trường hợp bất khả kháng khác: Xuất trình căn cứ hợp pháp để cơ quan nhà nước cấp huyện thẩm định gia hạn nhưng tối đa không quá 12 tháng.

b) Trường hợp không thu hồi kinh phí hỗ trợ: Dự án bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên 70% theo biên bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

c) Biên bản xác nhận mức độ thiệt hại: Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 7. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thu hồi

1. Cơ quan có trách nhiệm thu hồi kinh phí hỗ trợ

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án có trách nhiệm thu hồi kinh phí hỗ trợ theo dự án được duyệt.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ thu hồi kinh phí thực hiện dự án cho cơ quan, đơn vị và cấp xã theo từng dự án cụ thể.

c) Kết thúc dự án: UBND cấp huyện ban hành quyết định thu hồi số kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án làm cơ sở để các cơ quan chuyên môn thu hồi và quản lý theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Quản lý kinh phí thu hồi

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Tài chính - Kế hoạch mở tài khoản tiền gửi để thu hồi kinh phí hỗ trợ thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo tại Kho bạc nhà nước:

- Tên tài khoản: Thu hồi kinh phí sự nghiệp các dự án hỗ trợ sản xuất.

- Chủ tài khoản: Ủy ban nhân dân cấp huyện, ủy quyền chủ tài khoản cho lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố.

- Nơi mở tài khoản: Kho bạc nhà nước nơi giao dịch.

b) Trình tự thu hồi

- UBND cấp xã và cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao nhiệm vụ thu hồi kinh phí có trách nhiệm thu hồi đủ kinh phí và đảm bảo thời gian theo từng dự án được duyệt.

- Số kinh phí thu hồi được của từng dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu hồi kinh phí có trách nhiệm nộp vào tài khoản thu hồi kinh phí sự nghiệp thực hiện dự án hỗ trợ sản xuất ngay sau khi thu hồi.

3. Sử dụng kinh phí thu hồi

Hàng năm căn cứ dự toán kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh giao và số kinh phí thu hồi của các dự án, Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Dân tộc tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phân bổ kinh phí thực hiện các dự án mới được phê duyệt trong năm.

4. Quyết toán kinh phí thu hồi

a) Hàng năm, cơ quan, đơn vị và cấp xã được giao nhiệm vụ thu hồi kinh phí có trách nhiệm lập riêng báo cáo quyết toán kinh phí thu hồi theo chế độ kế toán hiện hành gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch (cùng thời điểm lập quyết toán báo cáo tài chính hàng năm).

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện quyết toán số kinh phí thu hồi theo quy định hiện hành và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài chính cùng thời điểm thẩm định, xét duyệt quyết toán báo cáo tài chính năm.

Điều 8. Quyết toán kinh phí NSNN hỗ trợ các dự án hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo

Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 12 - Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ, 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND.

b) Hướng dẫn thực hiện đối với các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo theo hình thức nuôi luân chuyển.

c) Chủ trì phối hợp với Ban Dân tộc các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố lập phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hàng năm gửi Sở Tài chính.

d) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách hỗ trợ.

2. Ban Dân tộc:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ, 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình 135 gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp chung;

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố lập phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình 135 hàng năm gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chính sách hỗ trợ thuộc Chương trình 135.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hàng năm.

b) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Quyết định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Hướng dẫn một số nội dung liên quan đến việc xây dựng và thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo theo quy định tại Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết (đối với nội dung thuộc lĩnh vực ngành quản lý) gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp chung.

c) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chương trình.

5. Các sở, ngành có liên quan:

a) Căn cứ nhiệm vụ được giao phối hợp thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện Nghị quyết.

b) Tổng hợp báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết (đối với nội dung thuộc lĩnh vực ngành quản lý) gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp chung.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, thẩm định dự án và phê duyệt dự án.

b) Phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chương trình theo quy định.

c) Có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ.

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện trên địa bàn huyện, xã (gửi về Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, tổng hợp chung).

7. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Xây dựng dự án theo quy định tại Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

b) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

c) Phối hợp chỉ đạo thực hiện các dự án do cấp huyện thực hiện được triển khai trên địa bàn xã.

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả thực hiện Nghị quyết (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nội dung hỗ trợ đã thực hiện theo hình thức đầu tư có thu hồi tại văn bản số 1236/UBND-KTTH ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thì tiếp tục thực hiện và thanh, quyết toán theo văn bản hướng dẫn của tỉnh.

2. Đối với dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo theo hình thức nuôi luân chuyển trước thời điểm Nghị quyết 18/2018/NQ-HĐND có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc dự án nuôi luân chuyển mới thu hồi bằng tiền mặt.

3. Kinh phí thu hồi sau đầu tư và thu hồi từ dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo theo hình thức nuôi luân chuyển được nộp vào tài khoản thu hồi kinh phí sự nghiệp và quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 7.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Văn Sơn